TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** **TỈNH L**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2022/DS - ST

Ngày: 16 - 11 - 2022

V/v: "*Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Lương Anh;

2. Ông Trương Minh Thọ.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hương - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 183/2020/TLST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 642/2022/QĐST - DS ngày 26/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1946.

Địa chỉ: Số 72/24, khu phố 16, phường B, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Tuyết H**, sinh năm: 1966, địa chỉ: Số 84 đường 3/2, Phường 1, thành phố Đ (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm: 1930 (đã chết ngày 24/10/2022).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ cho ông N:

1/Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Số 94, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

2/Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Số 94, Thái Phiên, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh L.

3/Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số 94/26, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

4/Bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số 106/12, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

5/Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: thị trấn Lạc Dương, huyện T, tỉnh L.

6/Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: tổ 46, khu phố 4, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm: 1955

Địa chỉ: Số 94, Thái Phiên, Phường 12, thành phố Đ, tỉnh L.

2/Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Số 94, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

3/Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Số 94/26, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

4/Bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Số 106/12, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

5/Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1966

Địa chỉ: thị trấn Lạc Dương, huyện T, tỉnh L.

6/Bà **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: tổ 46, khu phố 4, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

7/Văn phòng công chứng Đ.

Địa chỉ: Số 179, đường P, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh L.

(Tại phiên tòa bà Hương, bà N, bà T, ông H, bà L, bà C, bà T có mặt, Văn phòng công chứng Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì: Ông Nguyễn C

(chết năm 1947) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1995) kết hôn vào năm 1945 sống tại Thanh T, Điện B, Quảng N. Ông C, bà N có chung 01 người con là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1946.

Trong thời gian chung sống thì ông C, bà N không tạo lập được tài sản nào và chỉ có mình bà X là con ruột, ngoài ra không có con riêng hay con nuôi nào khác. Sau khi ông C chết, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà Nguyễn Thị N phải vào Đ làm thuê kiếm sống. Tại Đ bà N kết hôn với ông Nguyễn Hữu N (là cha dượng của bà X); giữa ông N và bà N sinh được 08 người con chung gồm: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1955 (chết năm 1972, ông Đ chết không có vợ con), bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim P(chết năm 1972, bà P chết từ nhỏ) và bà Nguyễn Thị Bích T.

Trong thời kỳ hôn nhân, khoảng năm 1966 giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị N đã tạo lập được một khối tài sản gồm: Nhà và đất tọa lạc tại 94/26 Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4201120244 vào ngày 25/6/2004 với diện tích 400m^2 (trong đó có 157,73m^2 diện tích xây dựng) thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ 04, Phường 12, thành phố Đ và Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận số B256827 vào ngày 17/3/1993 với tổng diện tích 7.233m^2 gồm các thửa đất số 237, 296, 239, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92, 93, tờ bản đồ số 47b2, 48đ, 48c3, Phường 12, thành phố Đ.

Ngày 01/5/1995 bà Nguyễn Thị N chết không để lại di chúc. Đến ngày 12/10/2019 ông Nguyễn Hữu N và gia đình mở thừa kế mà không thông báo cho bà X biết và cũng không kê khai tên bà X vào hồ sơ khai mở thừa kế, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng cho bà Nguyễn Thị X.

Quá trình bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế số công chứng 4730 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019 và yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại theo quy định của pháp luật. Đồng thời khởi kiện bổ sung thêm yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử đất số 4731, 4732, 4733 và 4734 quyển số 04/TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 24/10/2019 lập giữa ông Nguyễn Hữu Nam với các ông bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Thị Bích T.

Do quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu N cùng các con đã thỏa thuận về việc phân chia thừa kế đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị X, nên

nay bà X thống nhất rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số công chứng 4730 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019 và rút yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại. Nguyên đơn bà X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử đất số 4731, 4732, 4733, 4734 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019, ngoài ra không còn có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị kim C, bà Nguyễn Thị Bích T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ cho ông Nam, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì: Các ông bà là con chung của ông Nguyễn Hữu Nam (đã chết ngày 24/10/2022) và bà Nguyễn Thị N (đã chết năm 1995), thời gian chung sống giữ ông Nam và bà N sinh được 08 người con chung là ông Nguyễn Hữu Đài (đã chết năm 1972, ông Đài không có vợ con), bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim Phượng (đã chết, bà Phượng không có chồng con) và bà Nguyễn Thị Bích T. Ngoài ra bà N có 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị X và không còn có con chung con riêng nào khác.

Khi còn sống ông Nam, bà N tạo dựng được khối tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại 94/26 Thái Phiên, phường 12, thành phố Đ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4201120244 vào ngày 25/6/2004 thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ 04, địa chỉ: 94/26 Thái Phiên, phường 12, thành phố Đ, diện tích 400m^2. Trên đất có 01 căn nhà ở với diện tích xây dựng 157,73m^2 .

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B256827 do UBND thành phố Đ cấp ngày 17/3/1993 gồm các thửa đất số 237, 296, 239, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92, 93, tờ bản đồ số 47b2, 48đ, 48c3, địa chỉ: phường 12, thành phố Đ, tổng diện tích 7.233m^2.

Bà N chết năm 1995, khi chết không để lại di chúc. Quá trình vào ngày 24/10/2019 ông Nguyễn Hữu N cùng các ông bà đã ký văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế giao phần quyền tài thừa kế của bà Nguyễn Thị N trong khối tài sản chung nêu trên sang cho ông Nam, văn bản phân chia thừa kế được phòng công chứng Đ công chứng số 4730, đồng thời cùng ngày ông Nam đã ký 04 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng số 4731, 4732, 4733, 4734 được phòng công chứng Đ công chứng với nội dung ông Nam tặng cho các ông bà quyền sử dụng các thửa đất nêu trên.

Nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu hủy các hợp đồng tặng quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Đ công chứng số 4731, 4732,

4733, 4734 lập ngày 24/10/2019 thì các ông bà đều thống nhất và đồng ý hủy các hợp đồng nên trên để gia đình tự phân chia lại nhằm đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị X và thống nhất với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại và việc rút yêu cầu khởi kiện hủy văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế số 4730 do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 24/10/2019. Các ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên của bà X.

Văn phòng công chứng Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trong quá trình thực hiện công chứng văn bản phân chia thừa kế văn phòng công chứng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Văn phòng công chứng khẳng định giao dịch nêu trên là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Văn phòng công chứng xin vắng mặt tại các phiên họp giao nộp chứng cứ và phiên tòa xét xử.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành H giải nhiều lần, nhưng việc H giải không thành do vắng mặt Văn phòng công chứng Đ.

Tại phiên tòa

Bà Nguyễn Thị Tuyết H là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số công chứng 4730 do Văn phòng lập Đ lập ngày 24/10/2019 và xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N; xin giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã công chứng số 4731, 4732, 4733, 4734 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019.

Các ông bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ cho ông Nam, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Thống nhất với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số công chứng 4730 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019 và việc rút yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N; đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4731, 4732, 4733, 4734 do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 24/10/2019 của nguyên đơn bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4731, 4732, 4733, 4734 do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 24/10/2019; căn cứ quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy văn bản công chứng vô hiệu số 4730 do Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 24/10/2019 và đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N và hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4731, 4732, 4733, 4734 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019, nên có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Tranh chấp hủy văn bản công chứng vô hiệu, chia di sản thừa kế và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"* theo quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 11 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án do Văn phòng công chứng Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được thì thấy rằng bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1946 là con riêng của bà Nguyễn Thị N (đã chết năm 1995). Giữa vợ chồng ông Nguyễn Hữu Nam và bà Nguyễn Thị N có 08 người con chung là ông Nguyễn Hữu Đài (đã chết năm 1972, ông Đài không có vợ con), bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Kim Phượng (đã chết từ nhỏ) và bà Nguyễn Thị Bích T.

Khi còn sống giữa ông Nguyễn Hữu N và bà Nguyễn Thị N đã tạo lập được khối tài sản chung gồm nhà và đất tọa lạc tại 94/26 Thái Phiên, Phường 12, thành phố Đ với diện tích 400m^2 thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số 4201120244 vào ngày 25/6/2004 đứng tên ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị N (đã chết).

Quyền sử dụng đất gồm các thửa đất số 237, 296, 239, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92, 93, tờ bản đồ số 47b2, 48đ, 48c3, Phường 12, thành phố Đ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B256827 vào ngày 17/3/1993 đứng tên ông Nguyễn Hữu N.

Sau khi bà N chết không để lại di chúc, ngày 17/9/2019 ông Nguyễn Hữu H đã lập tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N gồm có tên ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Bích T và đã được Ủy ban nhân dân Phường 12, thành phố Đ xác nhận, nhưng tại tờ khai không ghi tên bà Nguyễn Thị X.

Đến ngày 27/9/2019 văn phòng công chứng Đ đã ra thông báo về việc công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và ngày 24/10/2019 Văn phòng công chứng Đ đã công chứng "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế" số 4730 ký giữa ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Bích T về việc xác định di sản của bà Nguyễn Thị N để lại trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nguyễn Hữu N gồm: Phần quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201120244 được Ủy ban nhân dân cấp ngày 25/6/2004 diện tích 400m^2 thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: 94/26 Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ và phần quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B256827 được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 17/3/1993 diện tích 7.233m2 gồm thửa 237, 296, 239, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92, 93, tờ bản đồ 47b2, 48d, 48c3, phường 12, thành phố Đ. Xác nhận phần quyền thừa kế của bà N thì các ông bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích T đã thống nhất để tặng cho ông Nguyễn Hữu N.

Đồng thời cùng ngày 24/10/2019 Văn phòng công chứng Đ đã công chứng các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4731 thể hiện nội dung ông Nguyễn Hữu N đã tặng cho ông Nguyễn Hữu H diện tích 2.789m^2 thuộc thửa đất số 92, 93, 86, 82, 296, tờ bản đồ số 48c3, 48d, Phường 12, thành phố Đ theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số B256827 do Ủy ban nhân dân cấp ngày 17/03/1993; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4732 với nội dung ông Nguyễn Hữu Nam đã tặng cho ông Nguyễn Hữu H diện tích 400m^2 thuộc thửa đất số 334, tờ bản đồ số 04, Phường K, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4201120244 do Ủy ban nhân dân cấp ngày 25/6/2004; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4733 với nội dung ông Nguyễn Hữu N đã tặng cho ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C diện tích (đã sửa) là 2.132m^2 thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 47b2, Phường K, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B256827 do Ủy ban nhân dân cấp ngày 17/03/1993; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4734 với nội dung ông Nguyễn Hữu Nam đã tặng cho bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Bích T phần diện tích 3.087m^2 thuộc thửa đất số 239, 89, 88, 87, 84, 83, tờ bản đồ số 47b2, 48c3 phường 12, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B256827 do Ủy ban nhân dân cấp ngày 17/03/1993.

Quá trình thực hiện việc phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N và công chứng các hợp đồng tặng cho nêu trên của ông Nguyễn Hữu N và các con không có sự đồng ý ký nhận của bà Nguyễn Thị X. Do vậy việc bà Nguyễn Thị X đã khởi kiện yêu cầu hủy các văn bản công chứng nêu trên đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị N để lại nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà X là có căn cứ.

[3.2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X thì thấy rằng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về việc hủy văn bản công chứng vô hiệu đối với "Văn bản thỏa thuận phân chia kế" số 4730 do văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019 và xin rút yêu cầu về việc chia di sản thừa kế của bà N, việc rút các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất công chứng số 4731, 4732, 4733, 4734 do văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019 như đã nêu trên, xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì các ông bà Nguyễn Thị Bích N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ cho ông Nguyễn Hữu N, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất đồng ý hủy các hợp đồng tặng quyền sử dụng đất nêu trên để gia đình tự phân chia lại tài sản

nhằm bảo đảm quyền lợi cho bà Nguyễn Thị X, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc "*Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" số 4731, 4732, 4733, 4734 quyển số 04TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc "*Tranh chấp hủy văn bản công chứng vô hiệu*" đối với "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số 4730 do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019 và đình chỉ yêu cầu "*Chia di sản thừa kế*" của bà Nguyễn Thị N để lại.

[5]Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Nam là bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đã có đơn xin miễn án phí hợp lệ.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nam là bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã chi là 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) do bà X đã tạm ứng. Đối với số tiền này phía nguyên đơn thỏa thuận sẽ tự nhận chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, khoản 5, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 217, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 500, Điều 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản công chứng vô hiệu và chia di sản thừa kế*" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu N (đã chết).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "*Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu N (đã chết).

Tuyên xử:

1.Hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4731, 4732, 4733, 4734, quyển số 04TP/CC - SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ lập ngày 24/10/2019.

2/Về án phí: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Nguyễn Hữu N là các bà Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích T cùng phải liên đới chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, người kế thừa quyền nghĩa vụ cho ông Nam là bà Nguyễn Thị Bích N, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Hữu H thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định nên không xem xét.

3/Về chi phí tố tung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X thống nhất chịu số tiền 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*) chi phí tố tụng (đã được quyết toán xong).

4/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2022). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA